

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 657/2020/HC-PT

Ngày 22-10-2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tũu.

Ông Vũ Ngọc Huynh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 174/2020/TLPT-HC ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2019/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1350/2020/QĐPT-HC ngày 29 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Lê Thị M, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Số 29 đường 23, phường BTĐ B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B – Đoàn Luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người bị kiện:

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Ch; Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang M; Chức vụ: Phó giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Th, sinh năm 1953 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 106 ấp THĐ, xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th: Bà Lê Thị M (có mặt).

Địa chỉ: Số 29 đường 23, phường BTĐ B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 16/9/2019).

Người kháng cáo: Người bị kiện, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Lê Thị M trình bày:

Bà Lê Thị M yêu cầu hủy quyết định hành chính số 642/QĐ-STNMT và quyết định số 643/QĐ-STNMT cùng ngày 10/6/2019 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M số phát hành CI 998532, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 06487 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03/7/2017, thửa đất số 36, tờ bản đồ số 53 với diện tích 403,6m² đất trồng cây lâu năm, tại xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre; Giấy CNQSDĐ số phát hành CI 998531; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 06488 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 03/7/2017, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 với diện tích 197,2m² (trong đó 143,5m² đất ở tại nông thôn và 53,7m² đất trồng cây lâu năm), tại xã TT, huyện CT, tỉnh Bến Tre. Đồng thời yêu cầu hủy Quyết định số 825/QĐ-STNMT và Quyết định số 826/QĐ-STNMT cùng ngày 08/8/2019 về việc hủy các giấy CNQSDĐ đối với các thửa đất nói trên của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

Lý do yêu cầu hủy các quyết định trên: Ngày 19/6/2017, UBND huyện CT cấp giấy CNQSDĐ cho bà Th đối với thửa đất số 35, diện tích 197,2m² và thửa đất số 36, diện tích 403,8m². Sau khi được cấp giấy chứng nhận, bà Th lập hợp đồng tặng cho bà Lê Thị M toàn bộ diện tích 02 thửa đất nói trên. Đến ngày 03/7/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp giấy CNQSDĐ cho bà M đối với hai thửa đất số 35,36 nói trên. Việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà Th cũng như bà M là đúng quy định pháp luật. Việc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 642/QĐ-STNMT và quyết định số 643/QĐ-STNMT về việc thu hồi giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà M và Quyết định số 825/QĐ-STNMT; Quyết định số 826/QĐ-STNMT về việc hủy các giấy CNQSDĐ đối với các thửa đất nói trên là trái quy định pháp luật.

Căn cứ theo khoản 2 điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 5 điều 87 Nghị định số 43/2014 của Chính phủ thì Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre không có thẩm quyền thu hồi hay hủy giấy CNQSDĐ trong trường hợp này.

Người bị kiện, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre trình bày:

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 642/QĐ-STNMT, Quyết định số 643/QĐ-STNMT và Quyết định số 825/QĐ-STNMT, Quyết định số 826/QĐ-STNMT trên cơ sở: Theo kết luận số 517/KL-UBND ngày 05/02/2018 của UBND tỉnh Bến Tre về việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà Lê Thị Th là chưa phù hợp theo quy định; Theo công văn số 3583/UBND-NC ngày 02/8/2018 của UBND tỉnh Bến Tre về việc xử lý khắc phục việc cấp giấy chứng nhận cho bà Th tại xã TT huyện CT; Theo nội dung biên bản cuộc họp ngày 23/8/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thống nhất xử lý khắc phục việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà Th; Theo tờ trình số 3312/TTr-UBND ngày 23/10/2018 của UBND huyện CT về việc xem xét thu hồi giấy chứng nhận của bà Lê Thị M.

Việc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành các quyết định thu hồi và hủy giấy CNQSDĐ của bà M là đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2019/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, quyết định:

Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M: Hủy các Quyết định: Quyết định số 642/QĐ-STNMT ngày 10/6/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre “Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M”; Quyết định số 643/QĐ-STNMT ngày 10/6/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre “Về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M”; Quyết định số 825/QĐ-STNMT ngày 08/8/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre “Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M” và Quyết định số 826/QĐ-STNMT ngày 8/8/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre “Về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M”.

2. Buộc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/11/2019, người bị kiện, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre kháng cáo.

Ngày 28/11/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị.

Tại phiên tòa, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre giữ nguyên kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày: Theo quy định pháp luật, cơ quan nào có quyền cấp giấy CNQSDĐ thì có quyền thu hồi. Mặc dù, thẩm quyền thu hồi, hủy bỏ giấy CNQSDĐ cấp cho bà M là của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thẩm quyền này chưa thống nhất nên việc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành quyết định thu hồi và hủy bỏ giấy CNQSDĐ cấp cho bà M là đúng, phù hợp với ý kiến của UBND tỉnh Bến Tre là việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà Th là sai do đất đang còn tranh chấp giữa bà Th với bà H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà M trình bày: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre mới có thẩm quyền thu hồi hủy giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà M. Vì vậy, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre không có thẩm quyền thu hồi, hủy. Tòa án cấp sơ thẩm hủy các quyết định bị khởi kiện là có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo, kháng nghị, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Việc tranh chấp đất giữa bà H, bà Th chưa được giải quyết xong nhưng UBND huyện CT lại cấp giấy CNQSDĐ cho bà Th là sai. Sau đó, bà Th lại tặng cho bà M là không đúng pháp luật. Việc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre thu hồi hủy giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà M là sai về hình thức nhưng đúng về nội dung. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M là không đúng. Như vậy, kháng cáo của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” và giải quyết là đúng quy định tại của Luật Tổ tụng hành chính. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre kháng cáo, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre kháng nghị đúng quy định nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bà M yêu cầu hủy các Quyết định 642/QĐ-STNMT và Quyết định số 643/QĐ-STNMT, cùng ngày 10/6/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi

trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M; Hủy các Quyết định số 825/QĐ-STNMT và Quyết định số 826/QĐ-STNMT, cùng ngày 8/8/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc hủy giấy CNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là các quyết định hành chính nêu trên và giải quyết là đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Xét các quyết định hành chính bị khiếu kiện, thấy rằng:

[2] Về trình tự, thủ tục ban hành:

[2.1] Đối với Quyết định số 642/QĐ-STNMT và Quyết định số 643/QĐ-STNMT: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre căn cứ theo kết luận của cơ quan Thanh tra, Tờ trình thu hồi giấy CNQSDĐ của UBND huyện CT đối với phần đất của bà M để ban hành Quyết định số 642/QĐ-STNMT và Quyết định số 643/QĐ-STNMT ngày 10/6/2019 là quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[2.2] Đối với Quyết định số 825/QĐ-STNMT và 826/QĐ-STNMT: Mặc dù hồ sơ vụ án không thể hiện việc bà M có đồng ý giao nộp giấy CNQSDĐ hay không?. Tuy nhiên, do bà M khiếu nại Quyết định số 642/QĐ-STNMT và Quyết định số 643/QĐ-STNMT nên ngày 19/7/2019, UBND tỉnh Bến Tre ban hành công văn số 3526/UBND-NC, có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của bà M, đồng thời quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà M cũng xác định là không đồng ý giao giấy CNQSDĐ. Vì vậy, ngày 08/8/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 825/QĐ-STNMT và 826/QĐ-STNMT về việc hủy giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà M là đúng quy định tại Khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[3] Về thẩm quyền ban hành: Ngày 19/6/2017, UBND huyện CT cấp giấy CNQSDĐ cho bà Th đối với thửa đất số 35, 36. Sau đó, Lê Thừa lập hợp đồng tặng cho bà M các thửa đất trên. Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 105 Luật Đất đai 2013 thì thẩm quyền cấp giấy CNQSDĐ trong trường hợp này là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre. Vì vậy, theo quy định tại Khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai 2013 thì Sở Tài nguyên và Môi trường mới có thẩm quyền thu hồi hay hủy giấy CNQSDĐ đã cấp. Việc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre ban hành các Quyết định số 642/QĐ-STNMT, Quyết định số 643/QĐ-STNMT, Quyết định số 825/QĐ-STNMT và Quyết định số 826/QĐ-STNMT là không đúng thẩm quyền.

[4] Về nội dung quyết định hành chính:

[4.1] Hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 19/6/2017, UBND huyện CT cấp giấy CNQSDĐ cho bà Th đối với thửa 35, diện tích 197,2m² và thửa số 36, diện tích 403,8m², cùng tờ bản đồ số 53, xã TT, huyện CT. Ngày 20/6/2017, bà Th lập hợp đồng tặng cho bà M toàn bộ thửa 35, 36 nêu trên, được công chứng xác nhận. Ngày 03/7/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến tre cấp giấy CNQSDĐ cho bà M đối với diện tích và số thửa nêu trên. Vì vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến tre cấp giấy CNQSDĐ cho bà M là đúng pháp luật.

[4.2] Tại Kết luận nội dung tố cáo số 517/KL-UBND ngày 05/02/2018 của UBND tỉnh Bến Tre, có nội dung: Theo hồ sơ đo đạc năm 2007, phần đất bà Lê Thị Th và bà Lê Thị Như Hoa đang sử dụng, do hai bên chưa thống nhất phần ranh đất, nên đã đo nhập thành một thửa với tổng diện tích là 683,6m². Theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện CT lập ngày 24/8/2016, thể hiện ranh giới phần đất giữa bà H và bà Th đang sử dụng chưa được xác định. Ngày 04/01/2017, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện CT lập bản đồ đo đạc mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất số 35, tờ bản đồ số 53 của bà Lê Thị Th đang sử dụng, để làm hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ nhưng không có chữ ký xác nhận ranh đất của các hộ ở liền kề là chưa phù hợp theo quy định. Tuy nhiên, Kết luận số 517/KL-UBND chỉ có nội dung xác định việc cấp giấy CNQSDĐ cho bà Th không đúng mà không xác nhận việc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy CNQSDĐ cho bà M là sai.

[4.4] Như vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành các quyết định thu hồi và hủy bỏ giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà M là không đúng pháp luật.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện, hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ý kiến của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Điều 348; khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 105, 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Nghị định 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre.

2. Không chấp nhận kháng nghị của kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

3. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2019/HC-ST ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

4. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

4.1 Hủy các Quyết định: Quyết định số 642/QĐ-STNMT ngày 10/6/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M; Quyết định số 643/QĐ-STNMT ngày 10/6/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc thu hồi giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M; Quyết định số 825/QĐ-STNMT ngày 08/8/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M và Quyết định số 826/QĐ-STNMT ngày 8/8/2019 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã cấp cho bà Lê Thị M.

4.2. Buộc Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre thực hiện nhiệm vụ công vụ theo đúng quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

5.1 Án phí hành chính sơ thẩm:

- Bà Lê Thị M không phải chịu.

- Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5.2 Án phí phúc thẩm: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006916 ngày 26/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre đã nộp đủ.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- Dương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án. (án NTMD)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Đức Phương